

Số: 431 /QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Tặng Giấy khen cho sinh viên khóa 43 hệ chính quy tốt nghiệp Thủ khoa; tốt nghiệp loại Xuất sắc, loại Giỏi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Giấy khen cho 201 sinh viên khóa 43 hệ chính quy (2019 - 2023), **Tốt nghiệp Thủ khoa; tốt nghiệp loại Xuất sắc, loại Giỏi.** Trong đó:

- 02 sinh viên Thủ khoa ngành;
- 10 sinh viên tốt nghiệp loại Xuất sắc;
- 189 sinh viên tốt nghiệp loại Giỏi.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Kèm theo Giấy khen, sinh viên tốt nghiệp Thủ khoa được thưởng 2.000.000đ, tốt nghiệp loại Xuất sắc được thưởng 1.000.000đ, tốt nghiệp loại Giỏi được thưởng 200.000đ. Tiền thưởng chi từ quỹ khen thưởng sinh viên của Nhà trường.

Điều 3. Trưởng phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch - Tài chính và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



Đoàn Đức Lương

DANH SÁCH
SINH VIÊN K43 ĐƯỢC TẶNG GIẤY KHEN TỐT NGHIỆP THỦ KHOA;
TỐT NGHIỆP LOẠI XUẤT SẮC, LOẠI GIỎI
(Kèm theo Quyết định số: 431 /QĐ-ĐHL ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng)

I. SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THỦ KHOA

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Điểm TBC
1	19A5011B13	Phạm Đỗ Thu	Tuấn	08-09-2001	Nữ	Thủ khoa ngành Luật	3.65
2	19A5021011	Phan Thị Thu	Bích	04-10-2001	Nữ	Thủ khoa ngành Luật kinh tế	3.76

(02 sinh viên)

II. SINH VIÊN TỐT NGHIỆP LOẠI XUẤT SẮC

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Điểm TBC
1	19A5011643	Hoàng Thị Thảo	Nguyên	19-03-2001	Nữ	Luật	3.64
2	19A5021221	Nguyễn Công	Đức	25-06-2000	Nam	Luật Kinh tế	3.71
3	19A5021535	Trần Thị Kim	Ngân	26-02-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.70
4	19A5021517	Phạm Thị	Mỹ	04-08-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.69
5	19A5021720	Võ Thị Thu	Thảo	08-10-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.68
6	19A5021275	Ngô Thị Thúy	Hằng	12-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.66
7	19A5021792	Bùi Thị Ngọc	Trâm	15-08-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.65
8	19A5021739	Phạm Đình	Thông	18-08-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.64
9	19A5021059	Lê Thị Trà	My	12-02-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.62
10	19A5021127	Phạm Thị Như	Ý	14-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.61

(10 sinh viên)

III. SINH VIÊN TỐT NGHIỆP LOẠI GIỎI

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Điểm TBC
1	19A5011058	Nguyễn Thị Thanh	Hương	04-08-2001	Nữ	Luật (LHS)	3.59
2	19A5011010	Phan Thị Quỳnh	Châu	27-09-2001	Nữ	Luật (LKT)	3.55
3	19A5011114	Đoàn Võ	Quốc	29-05-2001	Nam	Luật (LHS)	3.53
4	19A5011011	Lê Thị Kim	Chi	25-09-2001	Nữ	Luật (LKT)	3.49
5	19A5011015	Phạm Thị Anh	Đào	24-04-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.48
6	19A5011326	Trương Thị Hằng	Duyên	26-06-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.46
7	19A5011279	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	17-12-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.46

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Điểm TBC
8	19A5011864	Trần Thị Hiếu	Thảo	02-02-2001	Nữ	Luật (LKT)	3.45
9	19A5011022	Tôn Nữ Quỳnh	Dur	06-04-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.43
10	19A5011556	Đỗ Đức	Lương	15-06-2001	Nam	Luật (LHS)	3.43
11	19A5011209	Trần Thế	Anh	02-10-2001	Nam	Luật (LDS)	3.42
12	19A5011142	Nguyễn Thị Bích	Tiền	27-02-2001	Nữ	Luật (LHS)	3.42
13	19A5011912	Phạm Thị	Thương	24-05-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.42
14	19A5011004	Phan Minh	Anh	17-09-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.41
15	19A5011032	Nguyễn Võ Nhật	Hà	11-04-2001	Nữ	Luật (LQT)	3.41
16	19A5011378	Đào Thúy	Hiền	18-10-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.40
17	19A5011B84	Nguyễn Thị	Yên	09-03-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.38
18	19A5011001	Trương Thị Thùy	An	25-02-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.38
19	19A5011401	Phan Đình	Hiếu	23-04-2001	Nam	Luật (LDS)	3.37
20	19A5011723	Lê Thị	Phúc	20-05-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.37
21	19A5011610	Nguyễn Thị	Nga	19-03-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.37
22	19A5011227	Trần Thị	Cầm	05-01-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.37
23	19A5011673	Nguyễn Thị Ái	Nhi	25-05-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.36
24	19A5011021	Siu H'	Djuin	09-06-2000	Nữ	Luật (LDS)	3.36
25	19A5011B44	Nguyễn Thị Thu	Vân	21-07-2001	Nữ	Luật (LHS)	3.36
26	19A5011B80	Nguyễn Thị	Ý	20-04-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.35
27	19A5011145	Đặng Thị Huyền	Trâm	23-07-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.34
28	19A5011B60	Trần Hoài	Vũ	02-07-2001	Nam	Luật (LDS)	3.34
29	19A5011300	Võ Thị	Dung	25-02-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.33
30	19A5011449	Lê Quang	Huy	19-12-2000	Nam	Luật (LHS)	3.31
31	19A5011909	Nguyễn Quỳnh	Thương	29-09-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.31
32	19A5011392	Trịnh Thị	Hiệp	06-03-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.31
33	19A5011584	Nguyễn Anh	Minh	05-07-2001	Nam	Luật (LDS)	3.30
34	19A5011376	Thân Thị Bích	Hậu	22-04-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.30
35	19A5011860	Phạm Thị Phương	Thảo	09-04-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.29
36	19A5011579	Nguyễn Việt	Mạnh	14-10-2001	Nam	Luật (LDS)	3.29
37	19A5011512	Đặng Ngọc Gia	Linh	01-02-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.29
38	19A5011422	Nguyễn Vương Minh	Hoàng	08-01-2001	Nam	Luật (LDS)	3.29
39	19A5011B56	Nguyễn Thị Ngọc	Vĩnh	23-08-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.29
40	19A5011189	Lê Thị Lan	Anh	28-05-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.28
41	19A5011565	Trần Thị Khánh	Ly	26-11-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.28

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Điểm TBC
42	19A5011997	Lê Bá Trường	06-06-1997	Nam	Luật (LHS)	3.28
43	19A5011720	Dương Xuân Phú	03-11-2001	Nam	Luật (LDS)	3.28
44	19A5011699	H' Nhim Niê	08-10-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.28
45	19A5011014	Trương Thị Kim Chung	05-12-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.27
46	19A5011361	Dương Thị Mỹ Hạnh	17-10-2000	Nữ	Luật (LDS)	3.27
47	19A5011220	Nguyễn Thị Thanh Bình	18-02-2001	Nữ	Luật (LKT)	3.27
48	19A5011345	Nguyễn Hải	02-10-2001	Nam	Luật (LKT)	3.27
49	19A5011650	Nguyễn Thị Nguyệt	04-07-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.26
50	19A5011031	Nguyễn Hải Hà	25-04-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.26
51	19A5011311	Lê Quang Dương	01-11-2001	Nam	Luật (LDS)	3.26
52	19A5011369	Võ Thị Mỹ Hạnh	06-07-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.26
53	19A5011327	H Iên Êban	19-06-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.25
54	19A5011C09	Mai Vũ Phương Thảo	02-11-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.25
55	19A5011068	Võ Văn Duy Lâm	31-05-2001	Nam	Luật (LDS)	3.25
56	19A5011831	Lê Quốc Thắng	18-09-2001	Nam	Luật (LHC)	3.25
57	19A5011653	Hà Thị Nhân	13-02-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.25
58	19A5011353	Huỳnh Thị Cẩm Hằng	15-12-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.24
59	19A5011373	Lương Thị Thu Hậu	27-05-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.24
60	19A5011316	Nguyễn Duy	28-01-2001	Nam	Luật (LHC)	3.24
61	19A5011691	Nguyễn Thị Nhung	26-02-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.24
62	19A5011942	Trần Danh Toàn	10-02-2001	Nam	Luật (LDS)	3.24
63	19A5011913	Trần Duy Thương	30-08-1997	Nam	Luật (LHC)	3.24
64	19A5011998	Lê Ngọc Huỳnh Trường	28-08-1998	Nam	Luật (LDS)	3.24
65	19A5011063	Tiêu Đoàn Thục Kha	07-10-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.24
66	19A5011687	Võ Thị Tuyết Như	24-11-2000	Nữ	Luật (LDS)	3.23
67	19A5011298	Lữ Thị Thùy Dung	01-10-2001	Nữ	Luật (LKT)	3.23
68	19A5011532	Trần Thị Linh	10-11-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.23
69	19A5011315	Mai Công Đường	27-01-1993	Nam	Luật (LHC)	3.23
70	19A5011181	Nguyễn Thị Thiên An	22-10-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.22
71	19A5011306	Phan Văn Dũng	25-12-2001	Nam	Luật (LDS)	3.22
72	19A5011889	Phan Thị Thu	10-10-2001	Nữ	Luật (LHS)	3.22
73	19A5011109	Võ Bùi Hồng Phúc	28-05-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.22
74	19A5011968	Lê Thị Hồng Trang	29-10-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.21
75	19A5011105	Phan Thị Hồng Nhung	23-10-2001	Nữ	Luật (LHC)	3.21

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên		Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Điểm TBC
76	19A5011201	Phạm Dương Quỳnh	Anh	02-02-2001	Nữ	Luật (LHS)	3.21
77	19A5011B64	Lê Văn	Vương	17-10-1998	Nam	Luật (LDS)	3.20
78	19A5011676	Phan Thục	Nhi	28-02-2001	Nữ	Luật (LDS)	3.20
79	19A5011250	Trịnh Thanh	Cương	20-04-2001	Nam	Luật (LDS)	3.20
80	19A5021231	Trần Văn	Dũng	03-09-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.58
81	19A5021068	Lê Thị Thanh	Nhàn	01-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.58
82	19A5021529	Trần Thị Kim	Ngà	01-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.57
83	19A5021846	Phan Thị Thanh	Ty	10-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.57
84	19A5021870	Nguyễn Tường	Vi	24-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.56
85	19A5021041	Ngô Thị	Hường	07-11-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.56
86	19A5021152	Nguyễn Phan Nhật	Anh	30-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.55
87	19A5021721	Nguyễn Văn	Thế	18-08-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.55
88	19A5021065	Võ Thị Thảo	Nguyên	11-06-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.54
89	19A5021532	Lê Thủy	Ngân	17-10-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.54
90	19A5021079	Nguyễn Thị Bích	Phượng	02-09-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.53
91	19A5021282	Võ Thị	Hằng	31-07-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.53
92	19A5021311	Võ Thị	Hiền	30-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.52
93	19A5021849	Ngô Thị Tố	Uyên	08-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.51
94	19A5021283	Võ Thị Diễm	Hằng	11-09-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.50
95	19A5021256	Đinh Nguyễn Anh	Hà	18-09-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.50
96	19A5021265	Nguyễn Văn	Hai	14-06-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.50
97	19A5021613	Trần Tuyết	Phi	02-02-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.49
98	19A5021528	Huỳnh Văn	Ngà	18-10-1999	Nam	Luật Kinh tế	3.49
99	19A5021547	Phùng Xuân Mỹ	Ngọc	22-01-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.48
100	19A5021058	Đoàn Thị Lệ	My	07-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.48
101	19A5021288	Hoàng Thị	Hạnh	14-06-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.47
102	19A5021476	Hoàng Thanh	Luân	01-04-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.47
103	19A5021804	Trần Thị	Trang	08-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.46
104	19A5021139	Trần Thị Thu	Ân	24-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.46
105	19A5021433	Lương Mỹ	Lệ	14-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.45
106	19A5021429	Trà Thị	Lan	26-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.44
107	19A5021597	Nguyễn Hùng	Ni	01-12-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.43
108	19A5021770	Huỳnh Lệ Thu	Thủy	18-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.43
109	19A5021509	Nguyễn Thị Trà	My	11-08-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.42

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Điểm TBC
110	19A5021103	Lê Thị Hiền Thu	06-05-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.42
111	19A5021167	Nguyễn Thị Thu Ba	25-11-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.42
112	19A5021215	Phan Thị Mỹ Diễm	16-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.41
113	19A5021158	Đặng Thị Ngọc Ánh	14-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.40
114	19A5021555	Trịnh Phương Nguyệt	20-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.40
115	19A5021076	Nguyễn Thanh Phong	04-02-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.40
116	19A5021014	Phan Thị Minh Châu	11-06-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.40
117	19A5021853	Phạm Thị Nhật Uyên	25-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.40
118	19A5021118	Lê Thị Tường	24-08-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.39
119	19A5021883	Phạm Thị Tường Vy	21-02-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.39
120	19A5021536	Võ Kim Ngân	28-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.39
121	19A5021277	Nguyễn Thị Hằng	10-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.39
122	19A5021872	Nguyễn Thị Vin	06-10-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.39
123	19A5021556	Nguyễn Thị Linh Nhâm	25-07-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.38
124	19A5021467	Nguyễn Thị Lợi	28-06-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.38
125	19A5021740	Đinh Thị Lệ Thu	19-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.38
126	19A5021839	Nguyễn Thị Tân Tuệ	10-11-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.38
127	19A5021486	Nguyễn Thị Ly	01-02-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.38
128	19A5021397	Vũ Thị Thanh Huyền	10-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.37
129	19A5021389	Đặng Thị Thanh Huyền	10-06-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.37
130	19A5021641	Hoàng Văn Quân	19-02-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.37
131	19A5021719	Trần Thị Thanh Thảo	02-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.36
132	19A5021704	Đặng Thị Thảo	05-02-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.36
133	19A5021242	Phan Thị Duyên	07-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.36
134	19A5021396	Trần Thị Huyền	22-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.36
135	19A5021084	Bùi Thị Quỳnh	24-06-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.35
136	19A5021020	Trần Thanh Thùy Dương	14-05-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.35
137	19A5021703	Trình Đức Thành	19-04-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.35
138	19A5021894	Nguyễn Bạch Phi Yến	30-05-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.35
139	19A5021706	Đặng Thị Thu Thảo	13-09-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.35
140	19A5021368	Hoàng Thị Hương	21-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.35
141	19A5021609	Đặng Kim Phấn	28-02-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.34
142	19A5021326	Lê Thị Thu Hoài	08-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.34
143	19A5021661	Đồng Thị Kiều Uyên	23-11-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.33

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Điểm TBC
144	19A5021512	Đinh Thị Mỹ	17-05-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.33
145	19A5021534	Trần Lê Ngân	01-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.33
146	19A5021699	Hoàng Văn Thanh	23-11-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.32
147	19A5021889	Phạm Vũ Như Ý	18-02-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.31
148	19A5021623	Nguyễn Thị Kim Phụng	04-03-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.31
149	19A5021571	Lê Võ Minh Nhi	25-01-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.30
150	19A5021046	Đinh Thị Phương Linh	16-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.30
151	19A5021503	Nguyễn Thị Nhật Minh	16-09-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.30
152	19A5021677	Hồ Thị Sen	01-02-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.30
153	19A5021506	Đỗ Thị Trà My	02-08-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.28
154	19A5021672	Nguyễn Quang Sang	24-11-2000	Nam	Luật Kinh tế	3.28
155	19A5021369	Lâm Thị Diệu Hương	19-07-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.28
156	19A5021428	Phan Nhật Lan	08-07-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.28
157	19A5021624	Nguyễn Văn Phước	16-12-2000	Nam	Luật Kinh tế	3.28
158	19A5021492	Đào Thị Mai	06-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.28
159	19A5021859	Lê Thị Thảo Vân	01-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.27
160	19A5021796	Huỳnh Trần Thanh Trang	01-12-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.27
161	19A5021732	Nguyễn Thị Hồng Thơ	02-09-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.27
162	19A5021767	Ngô Thị Thùy	25-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.27
163	19A5021531	Hà Thảo Ngân	01-10-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.26
164	19A5021329	Dương Đức Hoan	30-09-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.26
165	19A5021440	Nguyễn Trương Đắc Lin	30-05-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.26
166	19A5021179	Trương Thị Bông	15-11-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.26
167	19A5021456	Võ Ngọc Khánh Linh	24-09-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.26
168	19A5021755	Phạm Văn Thuận	28-08-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.26
169	19A5021320	Nguyễn Ngọc Hoa	19-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.26
170	19A5021250	Lê Thị Hà Giang	18-01-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.25
171	19A5021844	Nguyễn Thị Kim Tuyền	05-09-2000	Nữ	Luật Kinh tế	3.24
172	19A5021284	Đặng Thị Hạnh	24-10-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.23
173	19A5021676	Đỗ Thị Sen	17-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.23
174	19A5021761	Vũ Thị Thanh Thương	09-07-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.23
175	19A5021680	Lê Quang Sơn	19-12-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.23
176	19A5021125	Đinh Thị Kiều Vy	05-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.22
177	19A5021780	Mai Thanh Tính	13-09-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.22

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành	Điểm TBC
178	19A5021810	Nguyễn Thị Kiều Trinh	10-12-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.22
179	19A5021264	Vương Đình Hạ	05-05-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.22
180	19A5021671	Nguyễn Thị Sắc	01-01-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.22
181	18A5021580	Lê Đức Anh Tuấn	15-10-2000	Nam	Luật Kinh tế	3.21
182	19A5021626	Đoàn Thu Phương	04-06-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.21
183	19A5021446	Lê Ngọc Mai Linh	25-04-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.21
184	19A5021388	Đặng Thị Lệ Huyền	22-05-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.21
185	19A5021920	Cao Thị Hiền Nga	25-05-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.21
186	19A5021827	Bùi Văn Trường	22-08-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.20
187	19A5021744	Đặng Thị Anh Thư	02-02-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.20
188	19A5021549	Ngô Thị Linh Nguyên	19-10-2001	Nữ	Luật Kinh tế	3.20
189	19A5021679	Lê Ngọc Sơn	19-05-2001	Nam	Luật Kinh tế	3.20

(189 sinh viên)



Đoàn Đức Lương